**ĐÁP ÁN CHI TIẾT ĐỀ 007**

1 B 11 A 21 B 31 B 41 D

2 B 12 D 22 D 32 C 42 D

3 A 13 C 23 D 33 C 43 C

4 A 14 C 24 A 34 B 44 D

5 C 15 A 25 A 35 A 45 C

6 B 16 C 26 C 36 D 46 A

7 D 17 B 27 B 37 A 47 B

8 B 18 B 28 D 38 D 48 C

9 A 19 D 29 C 39 C 49 B

10 C 20 D 30 A 40 B 50 A

1 B

A. /i/ B./e/ C./i/ D./i/

2 B

3 A

Phần A trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2, còn lại là thứ nhất

4 A

Phần A trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2, còn lại là thứ nhất

5 C

“make money” = “earn money”: kiếm tiền

Anh ta kiếm tiền bằng cách chăn nuôi gia cầm và gia súc.

6 B

“picturesque” = “pretty”: đẹp, sinh động

Cô ấy sinh ra và lớn lên trong một làng chài ở Vịnh Hạ Long.

7 D

“with lightning speed”: với tốc độ ánh sáng, nhanh chóng

Trái nghĩa là “very slowly”: rất chậm

Một máy tính có thể làm các phép tính với tốc độ rất nhanh.

8 B

“oppose”: phản đối, không đồng ý . Trái nghĩa là “agree with”: đồng ý với

Nhiều người phản đối hình phạt khi giáo dục con trẻ mặc dù một vài trong số chúng nghịch ngợm.

9 A

“attend”: tham dự, tham gia

Mỗi đứa trẻ ở Anh trong độ tuổi từ năm đến mười lăm phải đi học

10 C

Danh từ phía sau là types (số nhiều) nên ở đây dùng there are

There are three main types of educational institutions : Có ba loại cơ sở giáo dục chính

11 A

Giới từ phía trước ngày là on

Vào thứ Bảy và Chủ Nhật không có tiết học.

12 D

Ở đây mệnh đề quan hệ cần dùng là who (thay thế cho those - người)

13 C

Science: môn Khoa học

Ở đây liệt kê hàng loạt các môn học, cho nên ở chỗ trống cũng phải là một môn học

14 C

“deafness” -> deaf

Ở đây ta cần một tính từ chứ không phải danh từ (có động từ to be)

15 A

“a important part” -> “an important part”

Trước important ta phải sử dụng mạo từ an chứ không phải a

16 C

“too many” -> “too much”

 “work” là danh từ không đếm được nên phải sử dụng too much

17 B

“interact”: tương tác với, giao tiếp với

Một thiết bị giao tiếp cá nhân giúp bạn tương tác với các máy tính khác và với mọi người trên toàn thế giới.

18 B

Ở đây dùng thì tương lai đơn: diễn tả một hành động sẽ xảy ra trong tương lai (mà không có dự tính từ trước, mà chỉ xuất hiện tại thời điểm nói)

- Ann đang trong bệnh viện.

- Ừ tớ biết. Mai tớ sẽ đi thăm bạn ấy

19 D

“to be proud of st”: tự hào về cái gì

Sinh viên có lý do để tự hào về nỗ lực của họ.

20 D

“whom” ở đây được thay thế cho person (với vai trò là tân ngữ)

Như là một người nổi tiếng được bọn trẻ ngưỡng mộ, nó rất quan trọng cho cô ấy trong việc hành động đáng tin cậy.

21 B

Có mốc since + mốc thời gian => sử dụng thì hoàn thành

A number of N được tính là danh từ số nhiều => sử dụng have chứ không sử dụng has

22 D

“take off”: cất cánh (máy bay)

Chuyến bay của chúng tôi đã bị trì hoãn, nhưng chúng tôi cuối cùng đã cất cánh ngay sau nửa đêm.

23 D

Cần phân biệt:

“remember to do st”: nhớ để làm gì “remember doing st”: nhớ đã làm gì

24 A

Đây là danh từ ghép, được ghép với nhau bằng dấu - Tất cả danh từ được nối bằng - đều được chia số ít

25 A

Vế sau rõ ràng là dùng thì quá khứ đơn (diễn tả hành động đã xảy ra trong quá khứ)

Ta nhận thấy có By the time + 1 sự kiện xảy ra trong quá khứ => dùng thì quá khứ hoàn thành (diễn tả một hành động xảy ra trước một hành động khác trong quá khứ)

26 C

“encourage sb to do st”: khuyến khích, cổ vũ ai đó làm việc gì Giáo viên khuyến khích cô nâng cao trình độ vẽ.

27 B

“photography”: nhiếp ảnh, thuật chụp ảnh

Tôi đã bị cuốn hút bởi nhiếp ảnh từ khi còn ở trường trung học.

28 D

Thì hiện tại tiếp diễn mang ý nghĩa tương lai.

Ngày mai bố mẹ sẽ đến ở với tôi một vài ngày

29 C

Jane cảm thấy khó khăn khi lái xe bên trái = Jane không quen lái xe bên trái

30 A

Không ai nói với tôi về sự thay đổi kế hoạch cả = Tôi chưa được thông báo về sự thay đổi kế hoạch

31 B

Lần cuối chúng tôi đi xem phim là 2 tháng trước = Chúng tôi đã không đi xem phim 2 tháng rồi

32 C

Máy tính là một thiết bị kỳ diệu. Nó có khả năng làm hầu hết bất cứ thứ gì bạn yêu cầu. = Máy tính là một thiết bị kỳ diệu vì nó có thể để làm bất cứ điều gì bạn yêu cầu.

33 C

Ở đây ta phải dùng “which” để thay thế cho the house Ngôi nhà, cái mà cổng của nó được sơn màu xanh lam, rất đẹp.

34 B

How’s everything at school?: Mọi thứ ở trường thế nào rồi?

Đây là câu phù hợp nhất để bắt đầu một cuộc hội thoại

35 A

- Bạn định mua máy tính mới hay chỉ tiếp tục dùng cái cũ?

- Không cái nào cả. Tớ định cho thuê (máy tính).

36 D

Thông tin ở câu cuối đoạn 1: it is traditional to use this time off for travel: thường (mọi người) sẽ sử dụng thời gian này để đi du lịch = hầu hết người Mỹ thích đi du lịch

37 A

Thông tin ở câu 2 đoạn 2: Every year about thirteen million people travel abroad. Mỗi năm có khoảng 13 triệu người du lịch nước ngoài

38 D

Thông tin ở câu cuối đoạn 2: people who can adjust their schedules sometimes choose to travel in the autumn. Mọi người chỉ thỉnh thoảng du lịch vào mùa thu chứ không phải luôn luôn du lịch vào mùa thu

39 C

Thông tin ở câu thứ 3 của đoạn 2: The most popular periods are during the summer and the two-week school break on Christmas and New Year holidays.

Giai đoạn thông thường nhất là trong mùa hè hoặc kỳ nghỉ 2 tuần ở trường vào dịp Giáng sinh và Năm mới

40 B

Thông tin ở 2 câu đầu của đoạn 3: American tourists often travel by car. Most families own a car, and those who do not have a car can rent one. Cars are usually the most economical way to travel

41 D

“It” ở đây được thay thế cho car ở câu trước: Cars are usually the most economical way to travel, especially for families

42 D

Thông tin ở câu thứ 4 của đoạn 3: Exellent highway with motels and restaurants nearby connect the nation’s major cities.

Ở đường cao tốc thì có nhiều khách sạn và nhà hàng cho khách du lịch

43 C

Thông tin ở câu: Naturally, they get lots of opportunities to practise their English as this is the only language spoken.

Đương nhiên, chúng có được nhiều cơ hội luyện tập tiếng Anh của mình vì đây là ngôn ngữ duy nhất được nói.

44 D

Có 5 môn thể thao.

Thông tin ở 2 câu gần cuối: The programme is packed with exciting activities such as horse riding and table tennis. Other sports in clude baseball, volleyball and athletics.

45 C

Thông tin ở những câu: The camp is located in one of the most beautiful parts of Chalkidiki. It is huge (120.000 square meters) and is just a stone’s throw away from clear, blue Aegean Sea. It takes the children just five minutes to walk to the golden sandy beach on foot.

=> Trại hè rất gần Aegean Sea

=> Câu C không đúng

46 A

Có thể nhận thấy giọng văn của tác giả là ủng hộ, được thể hiện qua các câu văn như:

- They always seem to have a good time, so if you’ re wondering what to do with the kids for three weeks this summer, you could do worse than send them to this beautiful camp on the shores of the Aegean Sea.

- If your children, like mine, are keen on adventure, sports and good company, the Skouras Camp will keep them busy all day doing the things they most enjoy.

- My children have made friends with children of their own age from Poland, China, Demark and the United States. Naturally, they get lots of opportunities to practise their English as this is the only language spoken.

47 B

Tiêu đề phù hợp nhất của bài là An international summer camp. (Một trại hè quốc tế)

Xuyên suốt bài đọc, tác giả đã giới thiệu về Skouras Camp, một trại hè quốc tế mà các con của tác giả tham gia vào mùa hè

48 C

Thông tin ở câu gần cuối: It takes the children just five minutes to walk to the golden sandy beach on foot.

49 B

Thông tin ở ngay câu đầu của bài đọc: For the last few years, my children have been going to a summer camp in northern Greece called Skouras Camp.

Trại hè ở phía Bắc Hy Lạp

50 A

“contest” = “competition”: cuộc thi